

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 28 - 9 - 2020  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hàng Bích Trâm

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Hoàng Sơn  
Ông Phạm Văn Mười

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 690/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 452/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Võ Văn HH**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số 229/29 Phan Bội Châu, khóm 4, phường 7, thành phố CM, tỉnh CM.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, huyện Phú Quốc, tỉnh KG.

**- Bị đơn:** Chị **Huỳnh Thu LL**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố CM, tỉnh CM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/7/2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Văn HH trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2005, anh HH và chị Huỳnh Thu LL tự nguyện chung sống với nhau. Năm 2015 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường 8, thành phố CM, tỉnh CM. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Mấy năm gần đây, anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Hiện anh chị đã ly thân, anh HH xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị LL.

Về nuôi con chung: Anh HH và chị LL có 01 người con chung là Võ Phong Đ, sinh ngày 20/12/2010, đang sống cùng chị LL. Khi ly hôn, anh HH yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị LL cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh HH yêu cầu giao con cho chị LL nuôi theo nguyện vọng của con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Anh HH xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Huỳnh Thị LL đầy đủ, đúng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, cũng không có đơn phản tố gửi cho Tòa án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn chị Huỳnh Thu LL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 2005, anh Võ Văn HH và chị Huỳnh Thu LL tự nguyện chung sống với nhau. Đến năm 2015 anh chị tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp và được bảo vệ.

[3] Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh HH trình bày: Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Mấy năm gần đây, anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau nên anh chị đã ly thân. Về phía chị LL đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án qua đó cho thấy chị LL không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh HH và chị LL không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Võ Văn HH được ly hôn với chị Huỳnh Thu LL.

[4] *Về nuôi con chung*: Anh HH và chị LL có 01 người con chung là Võ Phong Đ, sinh ngày 20/12/2010, đang sống cùng chị LL. Khi ly hôn, anh HH yêu cầu giao con chung cho chị LL nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con khi cha mẹ ly hôn thì cháu Đ có nguyện vọng sống với chị LL. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ cho chị LL tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh HH không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị LL không có ý kiến hoặc yêu cầu anh HH

cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại phiên tòa anh HH tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của anh HH và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về tài sản và nợ chung*: Anh HH xác định không có.

[7] *Về án phí*: Anh HH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Võ Văn HH và chị Huỳnh Thu LL.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Võ Phong Đ, sinh ngày 20/12/2010 cho chị Huỳnh Thu LL trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh HH không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh HH phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị LL với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh HH vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

*Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

3. Về chia tài sản và nợ chung: Anh HH xác định không có.

4. Về án phí:

Anh HH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 13/7/2020, anh HH đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002138 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CM, tỉnh CM được đối trừ chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Anh HH phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**N**guyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

**Nơi nhận:**

- Phòng KT-NV và THA
- TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND **phường 8**, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hàng Bích Trâm**

